TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HS-PT
Ngày 16 – 01 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm theo hình thức trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 566/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Trương Đức H.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trương Đức H, sinh năm 1991 tại tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKHKTT: Số 02/9 đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L; nơi cư trú: Số 133 đường T, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh L; trình độ học vấn: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Trương Sỹ Q, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1954, vợ Bùi Ngọc Uyên T, sinh năm 1993 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 06/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng (có mặt tại điểm cầu thành phần đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trương Đức H:

Luật sư Nguyễn Văn T – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt tại điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại là Công ty TNHH thương mại và dịch vụ quốc tế T và 31 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ (TNHH TM&DV quốc tế T (viết tắt là Công ty T), có trụ sở tại: 59/12 đường T, Phường 26, quận B, Thành phố H, hiện nay ở số 50 đường N, phường A, Thành phố T, Thành phố H; ngành nghề kinh doanh: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở); Vốn điều lệ: 1.900.000.000đ, vốn pháp định: 1.900.000.000đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Phúc N, cư trú: 166/4 Xô Viết Nghệ T, Phường 26, quận B, Thành phố H; Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0312000541, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 27/5/2014.

Năm 2013, Trương Đức H, sinh năm 1991; HKTT: Số 2/9 Tô Hiệu, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng được Công ty T tuyển dụng vào làm nhân viên (có ký kết Hợp đồng lao động giữa Công ty với Trương Đức H). Tháng 02/2014, Công ty T có quyết định bổ nhiệm Trương Đức H làm Trưởng vùng kinh doanh tại khu vực tỉnh Lâm Đồng và được giao nhiệm vụ trực tiếp giao dịch bán phân bón của Công ty T với các đại lý tại khu vực tỉnh Lâm Đồng. Với quy định khi các đại lý có nhu cầu mua phân bón của Công ty T thì liên lạc với Trương Đức H qua số điện thoại 0913.530.928 để đặt số lượng phân bón cần mua. Sau đó H2 báo về Công ty chuẩn bị hàng (phân bón) và có trách nhiệm thuê xe ô tô đến kho của Công ty để nhận phân bón theo đơn đặt hàng của các đại lý và chở đến giao cho các đại lý. Việc mua bán phân bón giữa Công ty T và các đại lý không có hợp đồng mua bán, tuy nhiên Công ty có xuất hóa đơn cho đại lý, khi các đại lý thanh toán tiền, Trương Đức H nhận tiền thanh toán mua phân bón thì phải chuyển tiền về cho Công ty trong thời hạn 24 giờ. Đến năm 2016, Công ty T ký hợp đồng lao động với hai nhân viên gồm Lê Tấn H1 và Nguyễn Văn H2 và giao cho H2 phụ trách, cũng có nhiệm vụ giao dịch bán phân bón, nhận tiền thanh toán của các đại lý và giao lại tiền để H2 chuyển tiền về Công ty.

Đến năm 2015 - 2016 do cần tiền để mở cửa hàng Vật tư nông nghiệp, thành lập Công ty riêng và chi tiêu cá nhân nên sau khi mua hàng, một số cửa hàng, đại lý thanh toán tiền cho H2 (hoặc Hạnh và Hướng nhận tiền rồi giao cho H2) nhưng H2 không chuyển về công ty, báo cáo không đúng sự thật về việc các đại lý đã thanh toán, đưa ra lý do về việc các đại lý chưa thanh toán để chiếm đoạt tiền sử dụng cá nhân, cụ thể:

1. Đại lý T, chủ đại lý là T, địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh L số tiền chiếm đoạt: 145.500.000đ;

2. Đại lý T, chủ đại lý là Trần Duy Anh, địa chỉ: Tổ 13, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 93.060.000đ;

3. Đại lý A, chủ đại lý là Trần Hữu T, địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 21.670.000đ;

4. Đại lý B, chủ đại lý là Đinh Văn B, địa chỉ: Thôn An Hòa, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 5.000.000đ;

5. Đại lý Đ, chủ đại lý là Nguyễn Đức T, địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 10.810.000đ;

6. Đại lý H, chủ đại lý là Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 79.680.000đ;

7. Đại lý Hoàng H, chủ đại lý là Phạm Huy H, địa chỉ: 13 Hàm Nghi, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 11.800.000đ;

8. Đại lý Ngọc N, chủ đại lý là Nguyễn Xuân N, địa chỉ: Thôn 6, xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 61.900.000đ;

9. Đại lý Quỳnh A, chủ đại lý là Trần Thị Mộng Q, địa chỉ: 104 Trần Bình Trọng, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 194.089.250đ;

10. Đại lý T, chủ đại lý là Vũ Hồng Phương T, địa chỉ: 122 Đinh Công Tráng, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 34.446.000đ;

11. Đại lý D, chủ đại lý là Trần Văn T, địa chỉ: 81 Nguyễn Hữu Cầu, phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 1.180.000đ;

12. Đại lý X, chủ đại lý là Võ Thị X, địa chỉ: Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 22.420.000đ;

13. Đại lý T, chủ đại lý là Nguyễn Thị Q, địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 289.256.250đ;

14. Đại lý Đ, chủ đại lý là Hoàng Đại X, địa chỉ: Thôn Đồng Lạc 2, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 12.650.000đ;

15. Đại lý T2, chủ đại lý là Trương Thị N, địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 105.000.000đ;

16. Đại lý Thị D, chủ đại lý là Trần Nhật L, địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 47.960.000đ;

17. Đại lý Minh Đ, chủ đại lý là Phạm Thị Tuyết N, địa chỉ: Số 68 thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 18.100.000đ;

18. Đại lý Tùng H, chủ đại lý là Lê Thanh T3, địa chỉ: Thôn Lạc Viên B, xã L, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 27.100.000đ;

19. Đại lý Lê Trọng T, chủ đại lý là Lê Trọng T, địa chỉ: 37 Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 28.360.000đ;

20. Đại lý Sơn O, chủ đại lý là Phạm Thị Kim O, địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 70.400.000đ;

21. Đại lý Công A, chủ đại lý là Nguyễn Viết K, địa chỉ: Thôn T, xã T,

huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 29.610.000đ;

22. Đại lý Hoàn T (theo Công ty cung cấp là đại lý H), chủ đại lý là Lương Văn H, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 7.250.000đ;

23. Đại lý Liên N, chủ đại lý là Đỗ Thanh B, địa chỉ: 173 QL20, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 33.620.000đ;

24. Đại lý Như N, chủ đại lý là Nguyễn S địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 11.000.000đ;

25. Đại lý Tuấn C, chủ đại lý là Đào Huy T, địa chỉ: 92 QL 20, thị trấn Liên N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 28.500.000đ;

26. Đại lý Then T, chủ đại lý là Phạm Thị T, địa chỉ: 384 Pré, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 40.600.000đ;

27. Đại lý L, chủ đại lý là Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 61.805.000đ;

28. Đại lý Thúy Nhàn, chủ đại lý là Nguyễn Thị Thúy, địa chỉ: Thôn Trung Hà, xã Đông Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số tiền chiếm đoạt: 15.855.000đ;

29. Đại lý Anh H, chủ đại lý là Lâm Văn H, địa chỉ: 12 Võ Văn Kiệt, phường N, Quận 1, Thành phố H, số tiền chiếm đoạt: 84.160.000đ;

30. Nhân viên Lê Tấn H1, địa chỉ: K53/19 đường 2/9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng số tiền chiếm đoạt: 23.100.000đ;

31. Nhân viên Nguyễn Văn H, địa chỉ: Hẻm 250, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận số tiền chiếm đoạt: 18.920.000đ;

Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật tài liệu sau:

- 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo màu đen.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen.

- 01 cuốn tập điều lệ của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Apollo JSC Việt Nam.

- 01 cuốn phiếu xuất kho của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Apollo JSC Việt Nam.

- 01 cuốn phiếu thu của Công ty Công ty TNHH xuất nhập khẩu Apollo JSC Việt Nam.

- 01 cuốn sổ theo dõi khách hàng của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Apollo JSC Việt Nam.

Tổng số tiền chiếm đoạt của Công ty T từ nguồn thu tiền mua phân bón của 29 đại lý tại khu vực tỉnh Lâm Đồng và của 02 nhân viên Hạnh, Hướng là 1.634.801.500đ.

Ngoài số tiền bị cáo Trương Đức H có hành vi tham ô chiếm đoạt của Công

ty T nói trên, quá trình điều tra xác định còn có 03 đại lý gồm:

Đại lý Thanh B (địa chỉ: Xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng); Đại lý Phương T (địa chỉ: Thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng); Đại lý Sao M (địa chỉ: Xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng) sau khi liên lạc với Trương Đức H để đặt mua phân bón nhưng khi Công ty vận chuyển phân bón đến giao thì các đại lý trên không nhận, Trương Đức H không báo về Công ty mà đã bán lẻ số phân bón và vẫn xác nhận với Công ty khoản tiền nợ của 3 đại lý trên với tổng số tiền 145.150.000đ. Gia đình của H2 đã trả cho Công ty, ông Hồ Phúc N - đại diện của Công ty T không có yêu cầu xử lý.

Đối với số tiền 2.360.000đ của đại lý Thức (địa chỉ: Tổ 71, Vạn Thành, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) do ông Nguyễn Văn Thức, cư trú: 176 Đường L, phường 11, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng làm chủ đại lý đã chết vào ngày 29/01/2018 và số tiền 1.180.000đ của đại lý Vân Thanh (địa chỉ: Tổ Thới An, phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng) do bà Lê Thị Bích V ân, cư trú: 39/15 Ngô Quyền, phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng làm chủ đại lý, hiện nay bà Lê Thị Bích V đang định cư tại nước ngoài (Úc) nên không xem xét đến trách nhiệm hình sự.

Đối với số tiền 264.340.000đ của cửa hàng H2 Thương do Trương Đức H làm chủ còn nợ tiền mua phân bón của Công ty T và số tiền 34.850.000đ cá nhân H2 ứng của Công ty, ông Hồ Phúc N công nhận đây là giao dịch thỏa thuận dân sự giữa H2 và Công ty nên Công ty không có yêu cầu gì với Cơ quan điều tra.

Bị hại trong vụ án là Công ty TNHH TM&DV quốc tế T, trụ sở: 50 Nguyễn Hoàng, phường A, thành phố T, Thành phố H; người đại diện theo pháp luật của công ty: ông Hồ Phúc N, cư trú: 166/4 Xô Viết Nghệ T, phường 26, quận B, Thành phố H đề nghị xử lý bị cáo Trương Đức H về hành vi "Tham ô tài sản" của Công ty số tiền là 1.634.801.500đ theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trương Đức H phạm tội "Tham ô tài sản".

Xử phạt bị cáo Trương Đức H 20 (*hai mươi*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/8/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2022, bị cáo Trương Đức H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Bị cáo Trương Đức H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình chiếm đoạt từ 29 đại lý, cửa hàng và 02 cá nhân dưới quyền số tiền 1.634.801.500 đồng do mình có trách nhiệm quản lý

của Công ty Mã Lai. Do đó Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội "Tham ô tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi chiếm đoạt tiền bị cáo cũng không khắc phục được số tiền nào cho người bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo H2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu:

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới khác. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo và biết ăn năn hối cải, nên đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo phát biểu: Quá trình công tác tại Công ty Mã Lai bị cáo có nhiều đóng góp cho Công ty; tham gia nhiều hoạt động thiện nguyện và cũng được Công ty đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Vì thế bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ thêm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Kháng cáo của bị cáo Trương Đức H đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Đức H khai nhận là Trưởng vùng kinh doanh tại khu vực tỉnh Lâm Đồng của Công ty TNHH TM & DV quốc tế T, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Khi các đại lý có nhu cầu mua phân bón của Công ty T thì liên lạc với Trương Đức H qua số điện thoại của H2 để đặt số lượng phân bón cần mua. Sau đó, H2 báo về Công ty chuẩn bị hàng (phân bón) và có trách nhiệm thuê xe ô tô đến kho của Công ty để nhận phân bón theo đơn đặt hàng của các đại lý và chở đến giao cho các đại lý. Việc mua bán phân bón giữa Công ty T và các đại lý không có hợp đồng mua bán, tuy nhiên Công ty có xuất hóa đơn cho đại lý, khi các đại lý thanh toán tiền, Trương Đức H nhận tiền thanh toán mua phân bón thì phải chuyển tiền về cho Công ty trong thời hạn 24 giờ.

Đến năm 2015 - 2016 do cần tiền để mở cửa hàng Vật tư nông nghiệp, thành lập Công ty riêng và chi tiêu cá nhân nên sau khi mua hàng, một số cửa hàng, đại lý thanh toán tiền cho H2 (hoặc Hạnh và Hướng nhận tiền rồi giao cho H2) nhưng H2 không chuyển về công ty, báo cáo không đúng sự thật về việc các đại lý đã thanh toán, đưa ra lý do về việc các đại lý chưa thanh toán để chiếm đoạt tiền của Công ty T với 29 đại lý và 02 nhân viên là ông Lê Tấn H1 và ông Nguyễn Văn H2 với tổng số tiền là 1.634.801.500đ do mình có trách nhiệm quản lý của Công ty Mã Lai.

Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử bị cáo Trương Đức H về tội

"Tham ô tài sản", theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Đức H là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của pháp nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự xã hội. Bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, lợi dụng cơ chế quản lý tài chính của Công ty TNHH TM&DV quốc tế T nên khi một số cửa hàng, đại lý thanh toán tiền hàng cho Công ty thì H2 đã đưa ra lý do các cửa hàng, đại lý chưa thanh toán rồi chiếm đoạt để sử dụng cá nhân số tiền 1.634.801.500đ. Sau khi phạm tội bị cáo vẫn chưa bồi thường, khắc phục hậu quả. Do đó mức án 20 năm tù mà Tòa sơ thẩm tuyên phạt là phù hợp, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Quan điểm bào chữa cho bị cáo của luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trương Đức H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Đức H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trương Đức H phạm tội "Tham ô tài sản".

Xử phạt bị cáo Trương Đức H 20 (*hai mươi*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/8/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[2] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trương Đức H phải chịu 200.000 đồng.

[4] Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lâm Đồng (2);
(Để t/đ cho các bị cáo)
- Lưu (6). HS (2) 16b (Án 36)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thành Long